

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng

Ngày 30/09/2025	34,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.9%	1.9%	-

DT thuần Q3/25	463
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼45.0 -8.9%	
YoY: ▲ 58.0 14.2%	

LN thuần Q3/25	41.0
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼24.9 -37.8%	
YoY: ▲ 6.50 18.8%	

LN sau thuế Q3/25	34.2
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼21.1 -38.2%	
YoY: ▲ 4.40 14.7%	

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	8.9%
YoY: +/- ▼ 4.1%	

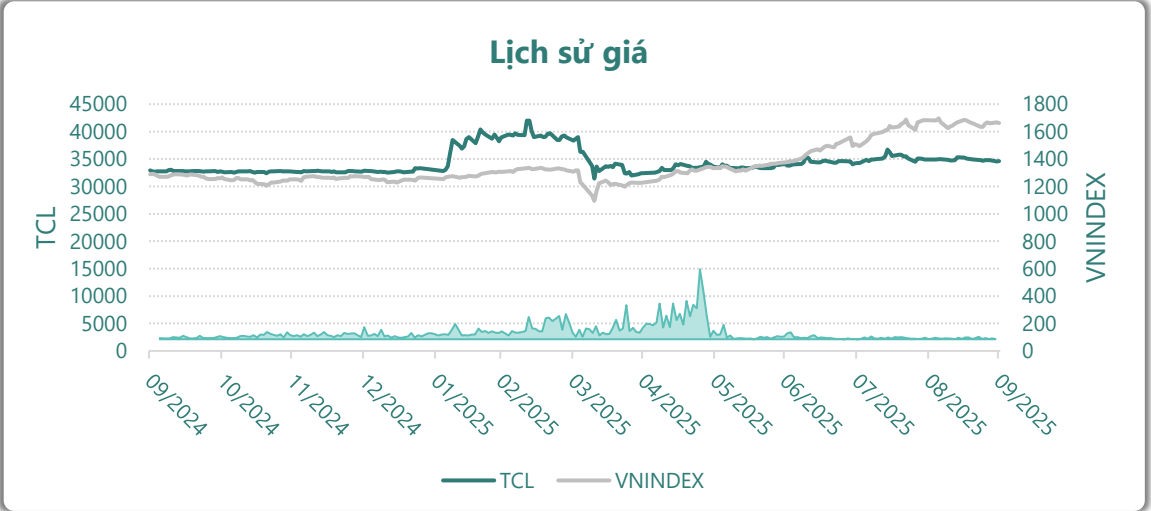
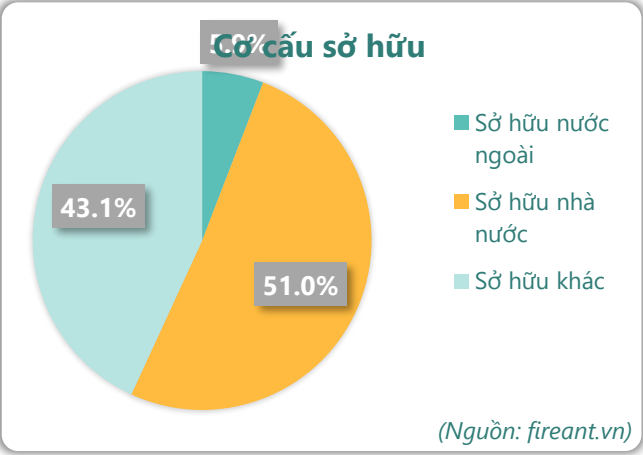
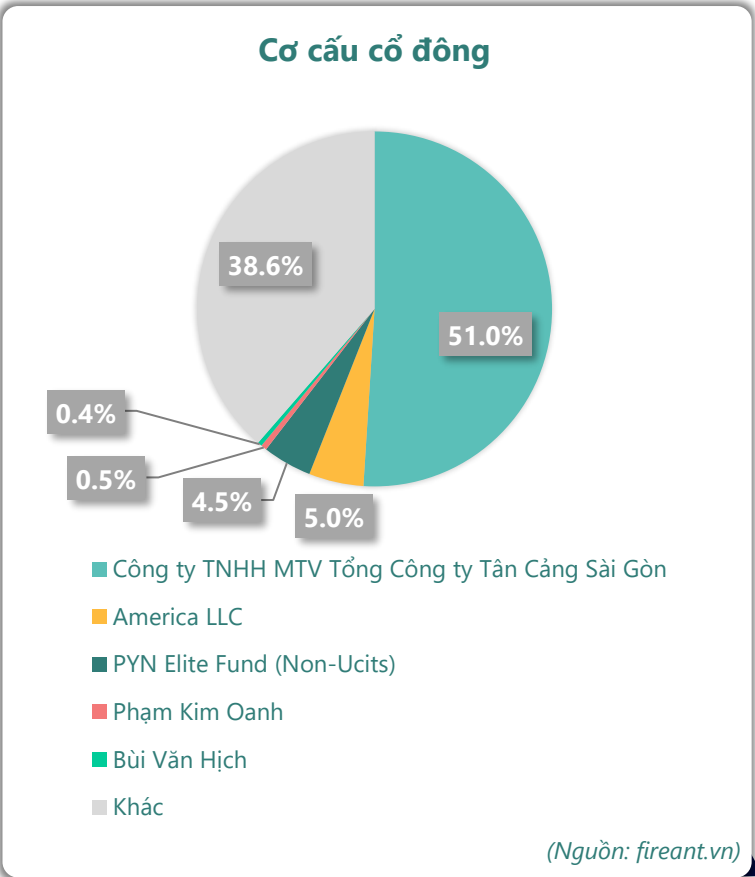
ROE (TTM) Q3/25	26.2%
YoY: +/- ▼ 0.3%	

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	31,424 - 41,992
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,043
Số lượng CPLH (CP)	30,158,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,385
Sở hữu nước ngoài	5.9%
Beta	0.70
EPS	5,581
P/E	6.2

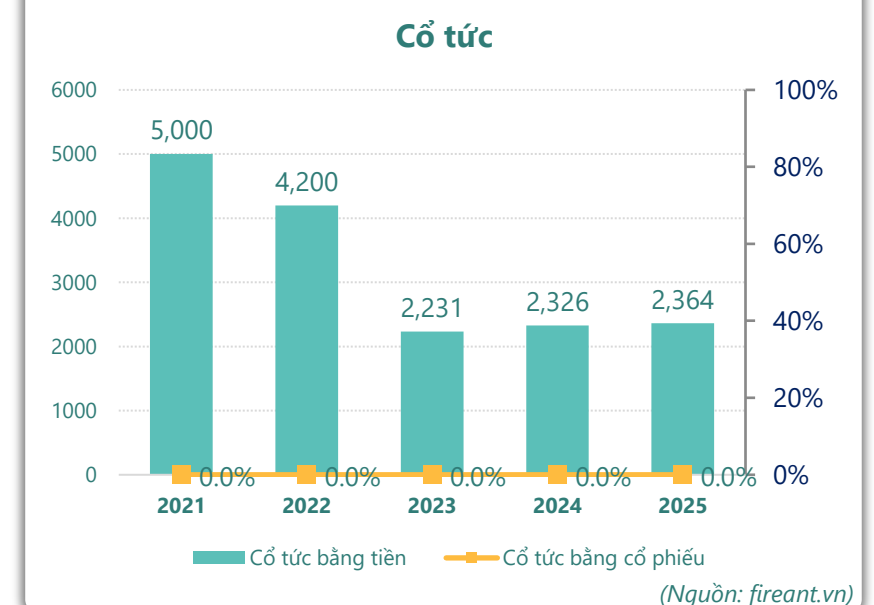
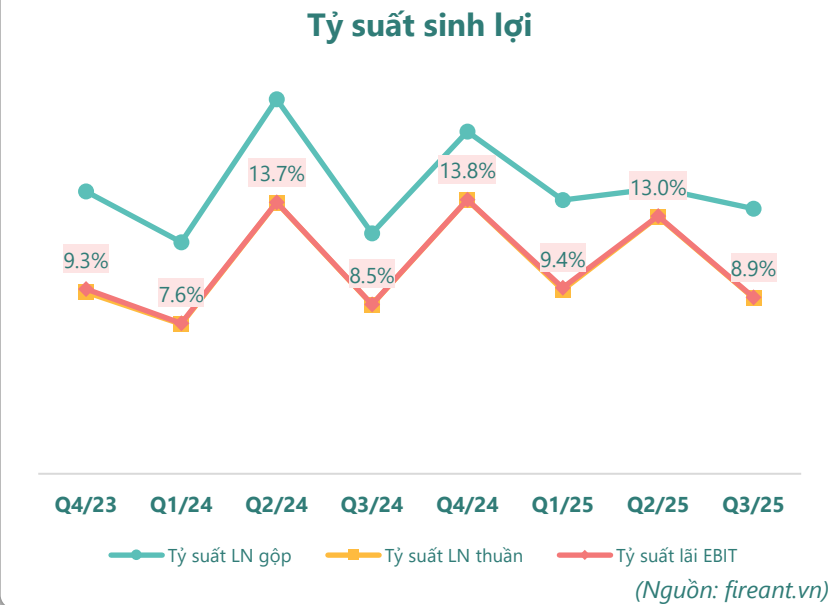
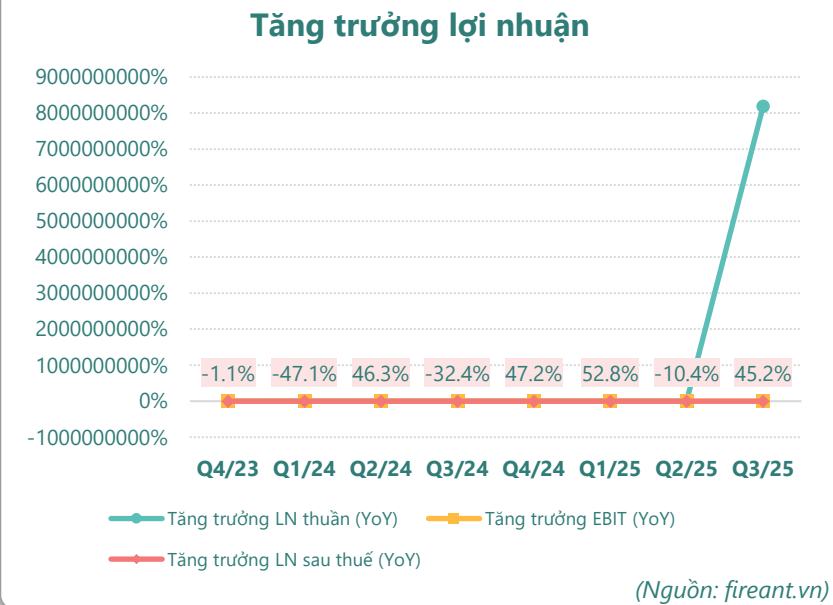
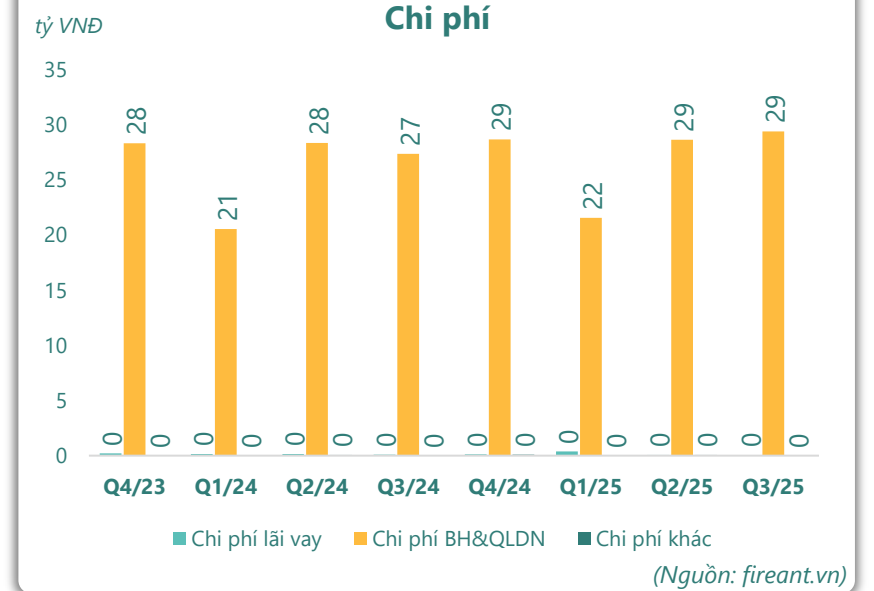
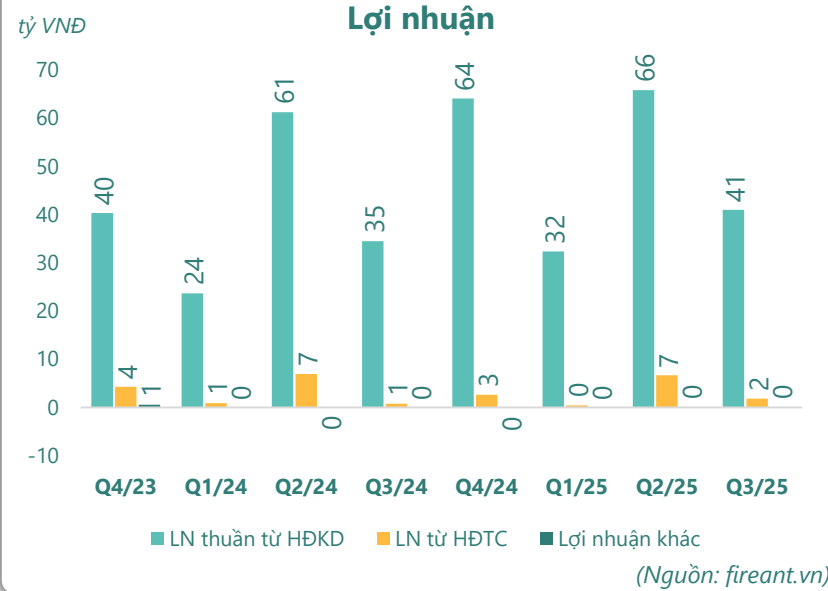
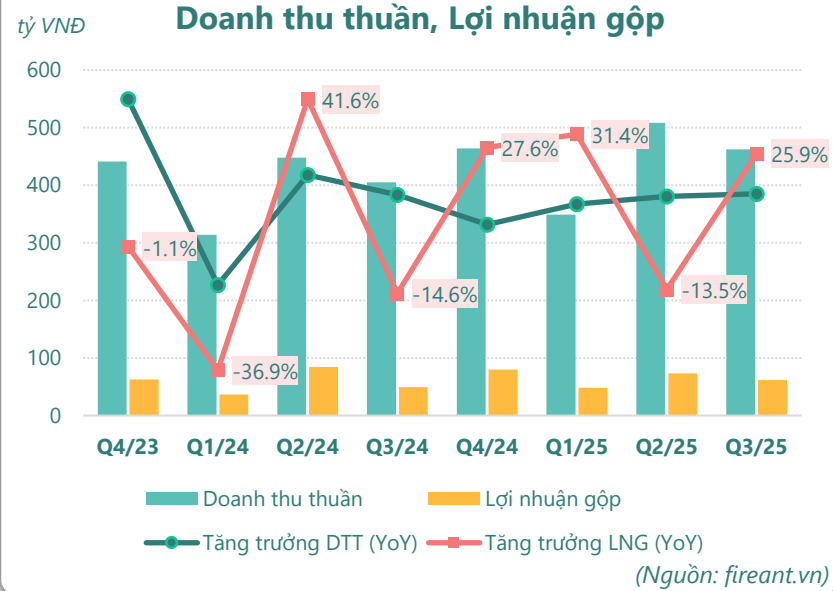
DT thuần 9T 2025	1,320
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 153 13.1%	

LN thuần 9T 2025	139
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 20.0 16.6%	

LN sau thuế 9T 2025	116
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 17.1 17.3%	



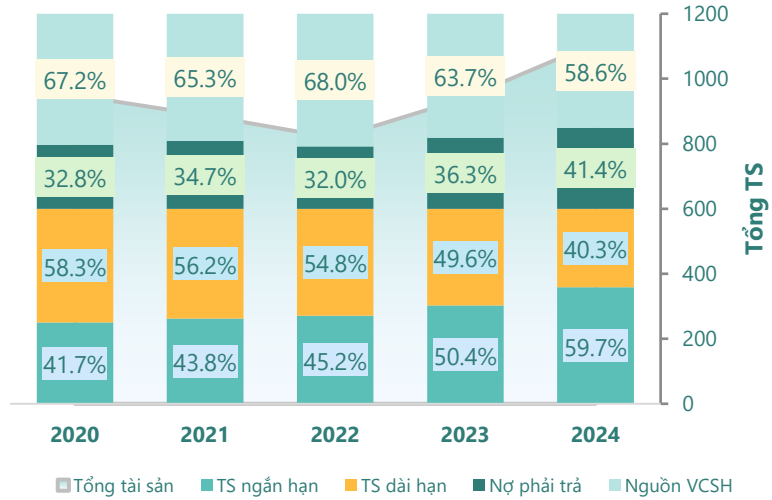
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

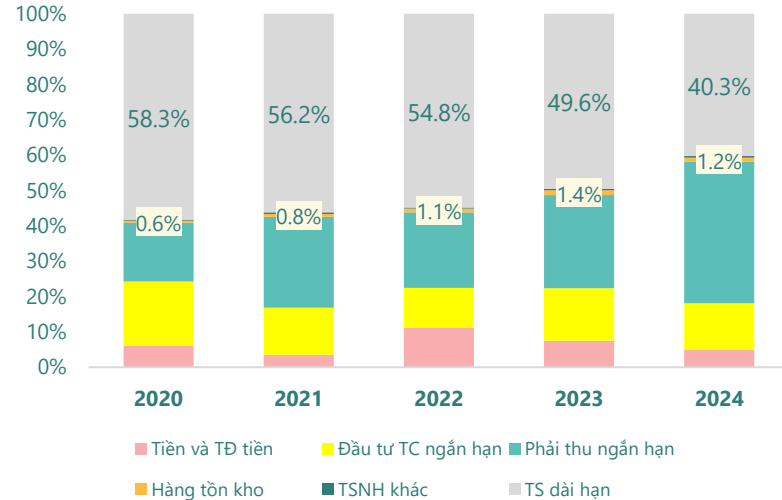
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

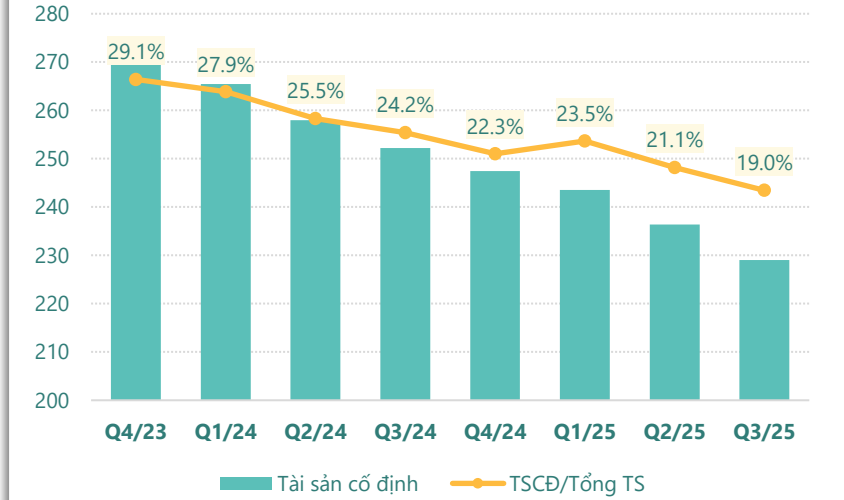
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

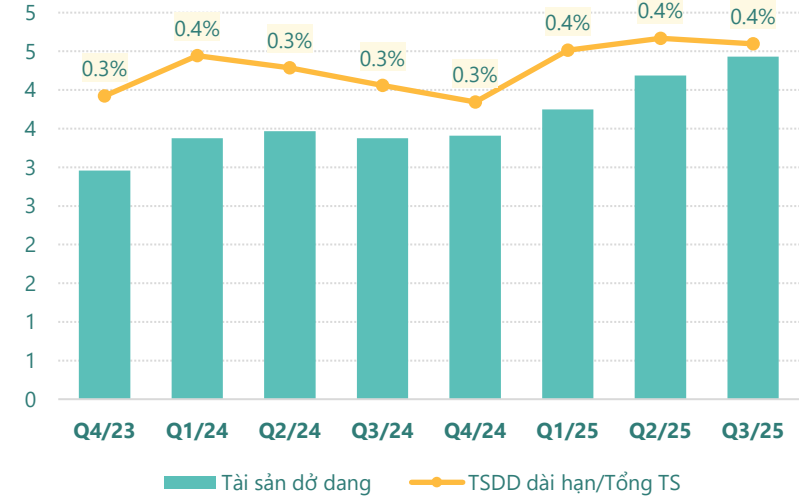
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

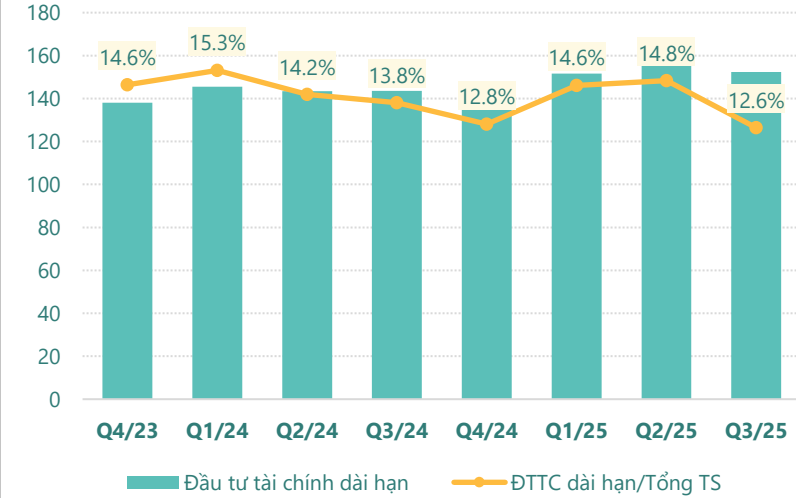
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

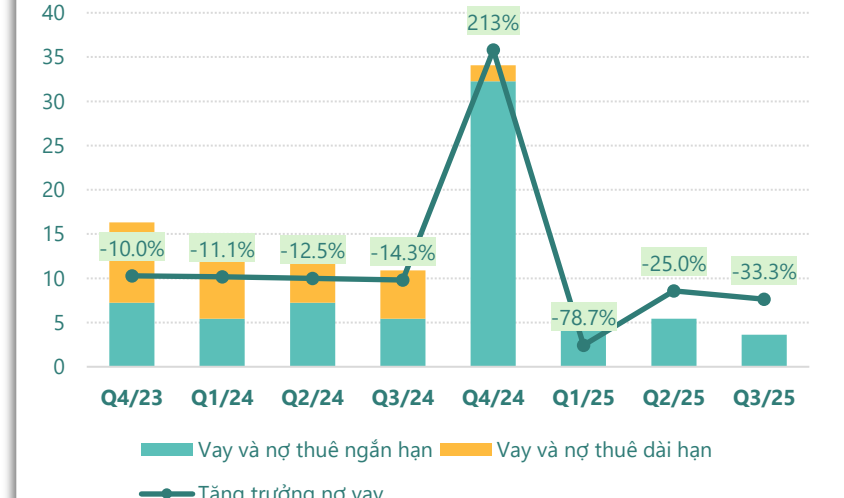
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

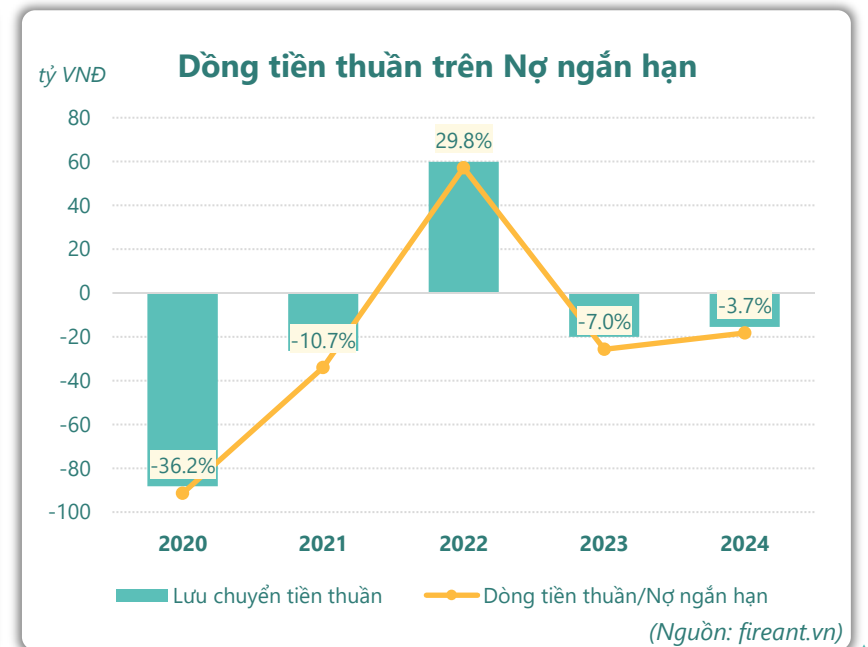
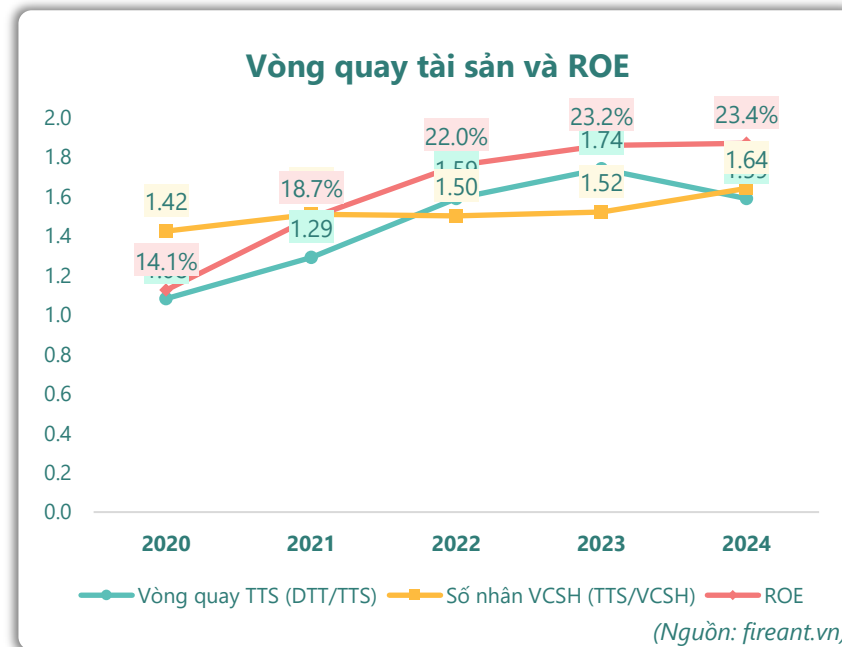
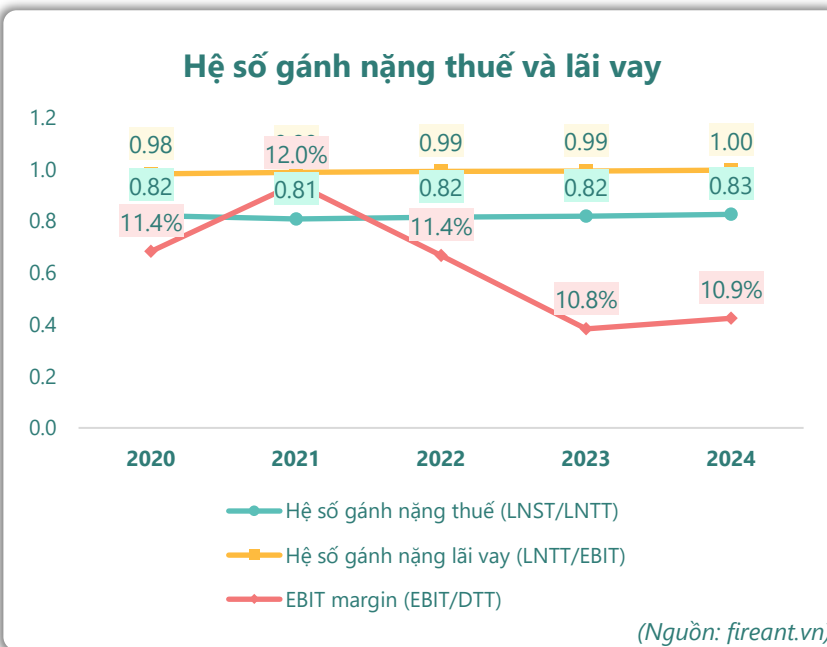
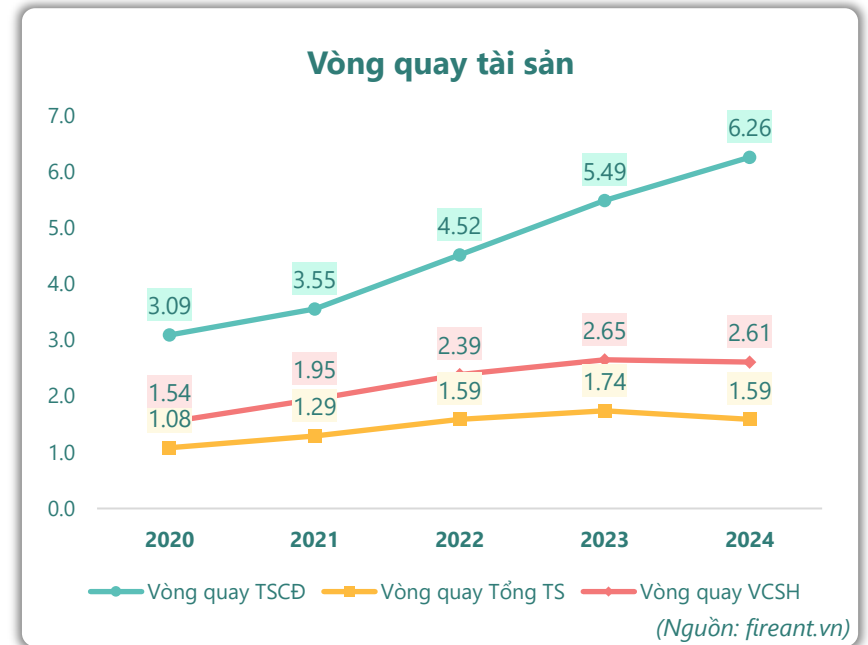
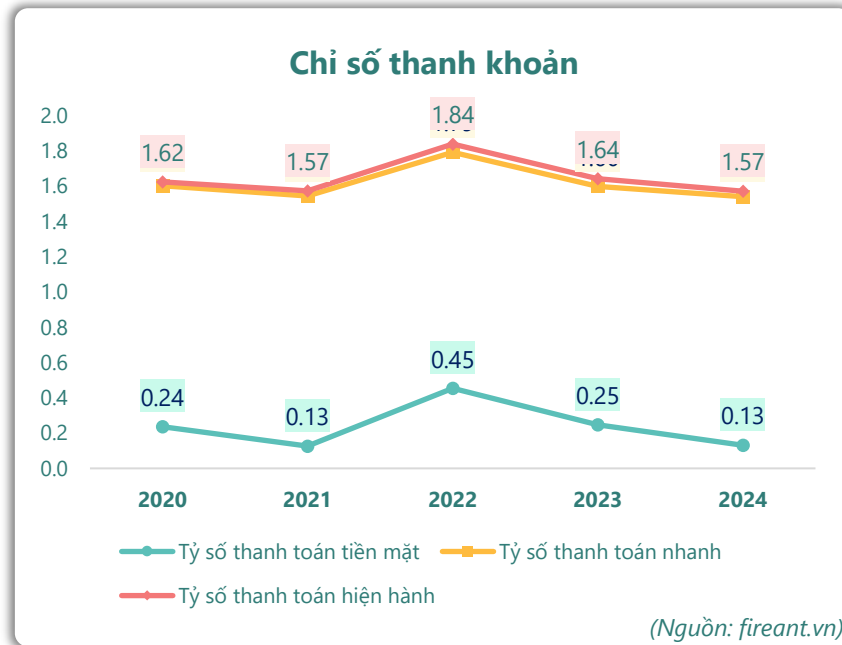
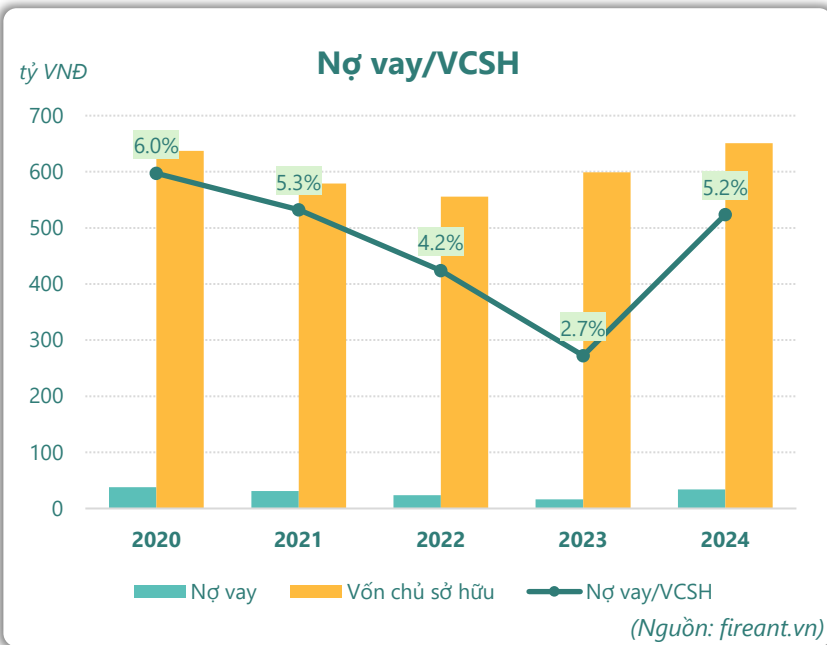
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	463	405	14.2%	1,320	1,167	13.1%
Giá vốn hàng bán	401	356	12.6%	1,137	996	14.1%
Lợi nhuận gộp	61.8	49.1	26.0%	183	170	7.5%
Doanh thu HĐTC	1.91	0.85	124%	9.44	9.01	4.8%
Chi phí TC	0.05	0.10	-51.5%	0.49	0.39	26.4%
Chi phí lãi vay	0.05	0.10	-51.5%	0.49	0.39	26.4%
LN trong công ty LKLD	6.72	12.0	-44.0%	26.7	16.8	59.4%
Chi phí bán hàng	8.99	8.09	11.1%	24.7	22.2	11.5%
Chi phí QLDN	20.4	19.3	5.9%	55.0	54.2	1.4%
LN thuần từ HĐKD	41.0	34.5	18.8%	139	119	16.6%
Lợi nhuận khác	0.08	0.00		0.17	-0.07	323%
LN trước thuế	41.1	34.5	19.1%	139	119	16.8%
Lợi nhuận sau thuế	34.2	29.8	14.7%	116	98.9	17.3%
LNST của CĐ cty mẹ	34.0	29.7	14.4%	115	98.9	16.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.5	48.0	-38.1	8.58	145	67.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.3	-1.22	-21.2	22.7	-71.1	-3.34
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.19	-71.8	58.6	-26.8	-72.8	-2.02
Tiền đầu kỳ	46.7	72.3	47.3	55.5	59.9	60.8
Lưu chuyển tiền thuần	25.6	-25.0	-0.79	4.43	0.81	61.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	72.3	47.3	46.5	59.9	60.8	122

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,205	1,111	8.5%
Tài sản ngắn hạn	785	663	18.4%
Tiền và tương đương tiền	122	55.5	121%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	191	145	32.0%
Phải thu ngắn hạn	457	444	2.9%
Hàng tồn kho	11.3	13.1	-13.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.92	5.07	-42.3%
Tài sản dài hạn	420	447	-6.2%
Phải thu dài hạn	9.68	18.0	-46.2%
Tài sản cố định	229	247	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.43	3.41	30.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	152	146	4.1%
Tài sản dài hạn khác	24.2	32.2	-24.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	534	460	16.1%
Nợ ngắn hạn	488	422	15.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.62	32.2	-88.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	345	272	26.9%
Nợ dài hạn	46.1	37.9	21.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.81	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	671	651	3.1%
Vốn chủ sở hữu	671	651	3.1%
Vốn điều lệ	302	302	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

